

Số: 193 /KH-UBND

Xã Nguyễn Trãi, ngày 24 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Về việc hỗ trợ phát triển sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu lúa gạo và sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn xã Nguyễn Trãi giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045

Căn cứ Kế hoạch số 344/KH-UBND ngày 07/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc hỗ trợ phát triển sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu lúa gạo và sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.

Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Trãi xây dựng Kế hoạch “Hỗ trợ phát triển sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu lúa gạo và sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn xã Nguyễn Trãi giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045” trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc thù, có lợi thế của xã; xây dựng vùng nguyên liệu nông sản hàng hóa có năng lực cạnh tranh; đồng thời quản lý, phát triển và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm dưới các hình thức phù hợp.
- Xây dựng, phát triển thương hiệu lúa gạo và sản phẩm nông lâm thủy sản phù hợp với định hướng phát triển sản xuất cũng như xu hướng phát triển của thị trường quy định.
- Duy trì, giữ vững sự ổn định tại các thị trường truyền thống và không ngừng tìm kiếm, mở rộng các thị trường mới, nâng cao giá trị bằng các kênh phân phối trực tiếp, củng cố và duy trì sự tin tưởng của người tiêu dùng.
- Tổ chức và hỗ trợ thực hiện các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm của địa phương trong các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ bằng chính sách để giúp các tổ chức cá nhân, thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường, nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

2. Yêu cầu

Việc phát triển sản phẩm lúa gạo và thương hiệu nông sản phải gắn với đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát huy các giá trị đặc trưng của xã.

Hỗ trợ các hộ sản xuất, hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng.

Tăng cường liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Phát triển thị trường, nâng cao khả năng tham gia chuỗi giá trị và từng bước mở rộng thị trường.

Công tác thu hồi, bàn giao mặt bằng phải đồng bộ, đúng tiến độ, phối hợp

chặt chẽ giữa các phòng, ban, ngành, đoàn thể.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Nguyễn Trãi; xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, lúa gạo của địa phương theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm.

Gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thu hồi 755 ha đất nông nghiệp (chủ yếu là đất lúa) tại các thôn Anh Nhuệ (Khu công nghiệp số 15), Văn Nhuệ (Cụm công nghiệp Văn Nhuệ), Mễ Xá và Nhân Vũ (Cụm công nghiệp Ân Thi 1, Ân Thi 2), Mão Xuyên và Đông Xá (Khu công nghiệp Ân Thi, Kim Động) và dự án Nhà ở xã hội tại thôn Đông Xá.

Phát triển thương hiệu và sản xuất nông nghiệp trên phần diện tích đất còn lại dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, chuyển đổi số và liên kết chuỗi giá trị, phù hợp với nhu cầu và quy định của thị trường.

Nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và khả năng tiêu thụ sản phẩm đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản, lúa gạo; tích cực hình thành các sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP của xã.

Tạo lập môi trường thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ sản xuất nâng cao năng lực trong tổ chức sản xuất, quản lý sản phẩm hàng hóa; gắn với trách nhiệm về sản phẩm, song song đồng bộ xây dựng thương hiệu mang lại giá trị ổn định, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2026 - 2030

Phối hợp hoàn thành 100% công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi 755 ha đất nông nghiệp đúng lộ trình pháp luật, đồng thời bảo đảm an sinh xã hội, đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm cho lao động bị thu hồi đất tại các thôn trọng điểm.

Hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu cho tối thiểu từ 5-10 sản phẩm từ lúa, gạo và sản phẩm từ gạo của địa phương.

Hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của xã theo hướng nâng cao giá trị và khả năng thương mại hóa.

100% các tổ chức, cá nhân, hộ nông dân tham gia sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã được đào tạo, tập huấn hướng dẫn quy trình tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc; xây dựng thương hiệu bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, thương mại điện tử, chuyển đổi số, thương mại hóa tài sản trí tuệ và truyền thông quảng bá sản phẩm.

Tăng cường liên kết chuỗi và thị trường tiêu thụ thông qua hoạt động hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm vào hệ thống phân phối hiện đại, siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu; hình thành và củng cố các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - bảo quản - lưu thông - tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Định hướng đến năm 2045

Phấn đấu 100% sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc trưng của xã Nguyễn Trãi có nhu cầu được hỗ trợ xây dựng, bảo hộ và phát triển thương hiệu.

Hình thành hệ sinh thái thương hiệu sản phẩm nông nghiệp địa phương đồng bộ, hiện đại, có sự liên kết chặt chẽ giữa sản xuất - chế biến - phân phối - tiêu dùng, gắn với chuyển đổi số và kinh tế số.

Phát triển đồng bộ các sản phẩm mang thương hiệu mạnh của xã kết nối với hệ thống sản phẩm của tỉnh, có khả năng cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

Duy trì thường xuyên hoạt động đào tạo, tư vấn, hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp và hộ sản xuất trên địa bàn về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, thương mại điện tử và quản trị thương hiệu.

III. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng thực hiện

1.1. Sản phẩm lúa gạo và các sản phẩm từ gạo

Tập trung vào các diện tích lúa gieo cấy chất lượng cao trên phần quỹ đất nông nghiệp còn lại của xã Nguyễn Trãi sau khi đã bàn giao mặt bằng cho các dự án khu, cụm công nghiệp và nhà ở.

Đặc biệt ưu tiên hỗ trợ, duy trì và phát triển nhân rộng mô hình chọn lọc giống lúa Nếp thơm Hưng Yên đang được triển khai thực tế trên địa bàn xã.

Các sản phẩm chế biến từ gạo của địa phương có tiềm năng phát triển thành hàng hóa thương mại, phục vụ tiêu thụ tại thị trường trong và ngoài tỉnh.

1.2. Sản phẩm nông sản, thực phẩm đặc trưng của địa phương

Các sản phẩm chủ lực đã đạt tiêu chuẩn VietGAP, OCOP và nhãn hiệu chứng nhận: Tập trung duy trì, phát triển thương hiệu và hỗ trợ nâng hạng sao cho các sản phẩm thế mạnh của các Hợp tác xã (HTX) trên địa bàn (hiện 100% các HTX này đều đã đạt tiêu chuẩn VietGAP an toàn), cụ thể bao gồm: Sản phẩm vải trứng của Hợp tác xã Vải trứng Hưng Yên (hiện đã đạt chứng nhận OCOP 4 sao); Sản phẩm nhãn lồng của Hợp tác xã Nhãn lồng Đa Lộc (hiện đạt chứng nhận OCOP 3 sao); Sản phẩm ổi của Hợp tác xã Sản xuất ổi Cẩm Ninh (hiện đạt chứng nhận OCOP 3 sao); Các sản phẩm nông sản thế mạnh của Hợp tác xã Đồng Vàng (hiện đạt chứng nhận OCOP 3 sao).

Các sản phẩm nông nghiệp tiềm năng khác: Các loại rau an toàn, sản phẩm chế biến từ nông sản (mật ong, long nhãn...), sản phẩm chăn nuôi của các hộ sản xuất còn lại tại các khu vực canh tác nông nghiệp của xã có khả năng phát triển thành hàng hóa tiêu thụ trên thị trường.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Xây dựng, phát triển sản phẩm lúa, gạo và sản phẩm từ gạo

Rà soát và cải tạo điều kiện sản xuất: Phối hợp các thôn rà soát quỹ đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi 755 ha phục vụ Khu công nghiệp số 15 (thôn Anh Nhuệ), Cụm công nghiệp Văn Nhuệ (thôn Văn Nhuệ), Cụm công nghiệp Ân Thi 1, Ân Thi 2 (thôn Mễ Xá, Nhân Vũ), Khu công nghiệp Ân Thi - Kim Động (thôn

Mão Xuyên, Đông Xá) và dự án Nhà ở xã hội (thôn Đông Xá). Quy hoạch lại các vùng sản xuất lúa thâm canh, cải tạo đất và sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn.

Nâng cao chất lượng sản phẩm: Hướng dẫn các hộ nông dân, hợp tác xã ứng dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc tương đương); tư vấn xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn chất lượng cho sản phẩm lúa gạo của xã.

Ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cao và kinh tế tuần hoàn: Khuyến khích người dân đầu tư máy móc cơ giới hóa, áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn khép kín tại hộ gia đình và hợp tác xã (như xử lý phụ phẩm rơm rạ, chất thải chăn nuôi bằng đệm lót sinh học, chế phẩm sinh học thành phân bón hữu cơ).

2.2. Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp địa phương

Phát triển thương hiệu và mẫu mã: Hỗ trợ các chủ thể sản xuất, hợp tác xã trên địa bàn xã thiết kế bao bì, tem nhãn nhận diện, mã QR, logo và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản đặc trưng của xã Nguyễn Trãi.

Đào tạo, tập huấn kỹ năng: Phối hợp với cấp trên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho nông dân và các cơ sở sản xuất về quy trình sản xuất an toàn, quản lý chất lượng, kỹ năng kinh doanh trên sàn thương mại điện tử và chuyển đổi số.

Kết nối cung - cầu và tiêu thụ sản phẩm: Thiết lập các điểm giới thiệu sản phẩm, hỗ trợ nông dân kết nối tiêu thụ nông sản vào các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, siêu thị và cửa hàng tiện ích.

Xúc tiến thương mại và thương mại điện tử: Khuyến khích các cơ sở sản xuất đưa sản phẩm lên các nền tảng số, mạng xã hội và sàn thương mại điện tử để quảng bá và mở rộng thị trường tiêu thụ.

2.3. Công tác quản lý, giám sát mô hình sản xuất tại xã

Triển khai và duy trì các tiêu chuẩn quản lý chất lượng (VietGAP, an toàn thực phẩm, các điểm kiểm soát tới hạn GMP, HACCP...) tại các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản trên địa bàn.

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện công tác kiểm tra, hậu kiểm, giám sát chất lượng sản phẩm đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ cá thể tham gia mô hình.

Cập nhật đầy đủ dữ liệu sản xuất và thông tin truy xuất nguồn gốc của các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã lên hệ thống dữ liệu chuyên ngành.

Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện hằng năm tại địa phương; biểu dương các mô hình sản xuất hiệu quả và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân.

3. Ứng dụng công nghệ cao và phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn

Tăng cường đầu tư, nâng cấp hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất, xử lý phụ phẩm, chất thải và bảo vệ môi trường nông nghiệp.

Ứng dụng và chuyển giao rộng rãi các quy trình khép kín, giảm phát thải, mô hình kinh tế tuần hoàn không chất thải vào sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Mở rộng áp dụng các mô hình tái chế phụ phẩm trồng trọt, chất thải chăn nuôi như sử dụng đệm lót sinh học, các chế phẩm sinh học để xử lý môi trường.

Áp dụng các quy trình và công nghệ thu gom, xử lý chất thải lỏng, chất thải rắn thành phân bón hữu cơ phục vụ canh tác cây trồng hoặc làm năng lượng tái tạo.

Thúc đẩy ứng dụng chuyển đổi số, tự động hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sản xuất, kinh doanh và phát triển các mô hình sản xuất hiện đại.

Tích cực hướng dẫn người dân tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ tỉnh: Đề nghị hỗ trợ tối đa 40% kinh phí đầu tư xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất như nhà lưới, nhà màng, nhà kính, hệ thống tưới tiết kiệm, tự động hóa.

4. Xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu sản phẩm nông lâm thủy sản

Phối hợp với các đơn vị chuyên môn để tư vấn xây dựng chiến lược, định hướng phát triển thương hiệu bài bản, phù hợp với từng nhóm sản phẩm và thế mạnh của địa phương.

Hỗ trợ người dân và hợp tác xã xây dựng, hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu, cải tiến mẫu mã, bao bì, tem nhãn, logo nhằm nâng cao khả năng nhận diện sản phẩm trên thị trường.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân ứng dụng truy xuất nguồn gốc, tem điện tử, mã QR và đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng nhận diện.

Thiết lập kênh tư vấn để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở và hộ nông dân kết nối cung - cầu, tiếp cận thị trường và mở rộng kênh tiêu thụ sản phẩm.

Đẩy mạnh việc hướng dẫn các chủ thể tham gia các hội chợ, triển lãm, tuần lễ trưng bày, chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh để quảng bá sản phẩm.

Phát triển hệ thống phân phối sản phẩm theo hướng đa dạng hóa, đưa nông sản của xã vào các kênh bán lẻ hiện đại như cửa hàng giới thiệu sản phẩm, siêu thị, trung tâm thương mại và chuỗi cửa hàng đặc sản.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Chủ động rà soát, lập dự toán hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tranh thủ nguồn kinh phí hỗ trợ kinh phí các cơ chế, chính sách hiện hành theo các quy định của tỉnh.

Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng Nông thôn mới nâng cao, Nông thôn mới kiểu mẫu), Chương trình OCOP, các dự án khuyến nông, chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.

Huy động từ các nguồn xã hội hoá và nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình và cá nhân tham gia sản xuất kinh doanh.

Đề xuất nguồn ngân sách cấp trên hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức các hội nghị đào tạo, tập huấn, tham quan học tập, sơ kết.

V. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã

Là cơ quan đầu mối, tham mưu Ủy ban nhân dân xã ban hành các văn bản chỉ đạo, xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn xã.

Trực tiếp hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ về nâng cao chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm; quản lý, phát triển vùng nguyên liệu tập trung (lúa nếp thơm, vùng cây ăn quả của các HTX trên địa bàn) và các sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực, sản phẩm OCOP; Hướng dẫn các Hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), tiêu chuẩn chất lượng, mã số vùng trồng, gắn tem truy xuất nguồn gốc (mã QR); thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản; Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong việc tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp địa phương.

Chủ trì lập dự toán kinh phí hằng năm thực hiện Kế hoạch; tham mưu UBND xã bố trí nguồn ngân sách địa phương và lập hồ sơ đề xuất ngân sách cấp trên hỗ trợ theo đúng quy định tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh; Hướng dẫn, tham mưu lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng Nông thôn mới), các dự án khuyến nông, phát triển OCOP và các nguồn vốn hợp pháp khác; quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm tránh trùng lặp, lãng phí.

Hỗ trợ các chủ thể sản xuất kết nối với các doanh nghiệp bao tiêu, hệ thống phân phối hiện đại, siêu thị; hướng dẫn và đẩy mạnh việc đưa các sản phẩm nông sản đặc trưng, sản phẩm OCOP của xã lên các sàn thương mại điện tử và nền tảng số; Cập nhật, quản lý dữ liệu về sản xuất nông nghiệp, vùng trồng và truy xuất nguồn gốc của xã lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Tham mưu UBND xã tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết; khen thưởng các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi và đề xuất điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với thực tiễn phát triển của địa phương.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

Phối hợp với phòng Kinh tế tham mưu, triển khai các nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.

Hướng dẫn xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Phối hợp triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Chịu trách nhiệm xây dựng bộ tài liệu truyền thông như cảm nang, video, phóng sự, dữ liệu số giới thiệu sản phẩm. Hàng năm xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông, quảng bá thương hiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông.

3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Phối hợp với Phòng Kinh tế xã, Phòng Văn hóa - Xã hội xã tổ chức hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; kết nối cung ứng các loại giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao (đặc biệt là mô hình chọn lọc giống lúa Nếp thơm Hưng Yên) và vật tư nông nghiệp đầu vào đạt chuẩn an toàn, tiêu chuẩn VietGAP cho các hợp tác xã và bà con nông dân trên địa bàn xã.

Kịp thời đưa tin, tuyên truyền và quảng bá rộng rãi chất lượng các sản phẩm nông sản đặc trưng của xã trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử và các nền tảng số của địa phương; biểu dương các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn và các gương điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Thiết lập kênh tư vấn và quảng bá sản phẩm chủ lực nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tiếp cận thông tin thị trường. Hướng dẫn các hộ sản xuất đăng ký tem điện tử, mã QR và tham gia các nền tảng thương mại điện tử.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên

Phát huy vai trò giám sát cộng đồng đối với việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư, đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm và việc triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp trên địa bàn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Tích cực lồng ghép các phong trào, đề án phát triển kinh tế của đoàn thể (như "*Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi*", "*Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế*", "*Thanh niên khởi nghiệp*") để hỗ trợ các hợp tác xã, hộ nông dân tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm mới cho lao động nông nghiệp bị thu hồi đất.

5. Trưởng các thôn trên địa bàn

Vận động, hướng dẫn Nhân dân tại thôn duy trì và mở rộng mô hình chọn lọc giống lúa Nếp thơm Hưng Yên chất lượng cao trên diện tích đất lúa còn lại.

Đã và đang tích cực phối hợp với các Hợp tác xã đóng trên địa bàn (HTX Vải trụng Hưng Yên, HTX Nhân lòng Đa Lộc, HTX ổi Cẩm Ninh, HTX Đồng Vàng) tuyên truyền xóm, xã viên duy trì sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, đăng ký mã số vùng trồng và dán tem QR truy xuất nguồn gốc.

Vận động các hộ chăn nuôi và trồng trọt áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn: thu gom xử lý rơm rạ, sử dụng chế phẩm sinh học và độn lót sinh học xử lý chất thải thành phân bón hữu cơ phục vụ canh tác.

Đẩy mạnh tuyên truyền các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch đến từng hộ gia đình thông qua các cuộc họp thôn, hệ thống loa truyền thanh thôn và sinh hoạt cộng đồng.

Vận động các hộ sản xuất, kinh doanh nông sản tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực do xã tổ chức về quy trình sản xuất an toàn, quản lý chất lượng, thương mại điện tử và chuyển đổi số.

Tích cực tham gia các đợt tập huấn dành cho cán bộ thôn để nâng cao năng lực quản lý, từ đó trực tiếp hướng dẫn, đôn đốc bà con tại thôn thực hiện.

Giám sát việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường nông nghiệp đối với các cơ sở sản xuất, chế biến và hộ canh tác trên địa bàn thôn.

Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của Nhân dân trong quá trình thu hồi đất và chuyển đổi sản xuất.

Định kỳ (hoặc đột xuất) báo cáo tiến độ thực hiện, các khó khăn, vướng mắc phát sinh tại thôn về UBND xã (qua Phòng Kinh tế) để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ.

Ủy ban nhân dân xã đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên; yêu cầu các phòng cơ quan, đơn vị chuyên môn, Trưởng các thôn trên địa bàn nghiêm túc triển khai thực hiện. /*nguy*

Nơi nhận: *nguy*

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (để b/c);
- Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức thành viên;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ký tên Ủy ban Nhân dân xã
 NGUYỄN TRẠI
 Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
 HƯNG YÊN
 Thời gian ký: 24/09/2026 08:42:35

Cáp Sỹ Long